

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 24/12/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Trần Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1990;

- Bị đơn: Anh Nguyễn T1, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T1 có tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14 tháng 9 năm 2009.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau, anh T1 nhiều lần đánh chị nhưng vì con cái nên chị bỏ qua. Đến đầu năm 2021, vợ chồng lại xảy ra cãi nhau, anh T1 xúc phạm danh dự chị và đe dọa đòi đem xăng đốt mẹ, con chị. Chị cảm thấy sống chung với anh T1 không an toàn. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2016, hiện các con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung thì chị yêu cầu anh Nguyễn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghề nghiệp và thu nhập: Chị T hiện làm nghề buôn bán ăn sáng và chăn nuôi, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện như trên và trình bày bổ sung như sau: Để ổn định cuộc sống, tâm lý của các con chung, chị T tha thiết yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn. Anh T1 không đảm bảo điều kiện nuôi con, vì thu nhập không ổn định, còn phải nuôi mẹ già đã hơn 80 tuổi; anh đi làm thì không có người lo ăn uống cho con chung, đưa đón con đi học hoặc mỗi khi anh đi nhậu cùng bạn bè về trễ thì không có người chăm sóc, lo ăn uống cho con chung; điều kiện của chị tốt hơn, vì chị ở chung với ba mẹ còn khỏe, có thể gửi con được khi có công việc hoặc đi làm về trễ.

Tại Bản tự Khi ngày 10/12/2021, Biên bản hòa giải ngày 10/12/2021 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn T1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về quá trình tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh T ở trên là đúng.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T nhiều lần điện thoại, nhắn tin cho người đàn ông khác, anh có góp ý và tha thứ nhưng chị T không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị T đã bỏ về nhà mẹ để sống được gần 01 năm nay. Vì anh khuyên chị T không nghe nên nhiều lúc anh có chửi, đánh đập và hăm dọa chị T là sẽ đem xăng đốt chị T, thực tế anh chỉ dọa chứ không thực hiện. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, cả 02 con đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn, anh T1 yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về công việc, thu nhập của anh: Anh đang làm nghề nông (làm vườn ươm cây keo) thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, anh T1 giữ nguyên nội dung trình bày, yêu cầu như trên và trình bày bổ sung như sau: Nếu được trực tiếp nuôi con thì anh sắp xếp thời gian, công việc để chăm sóc và đưa đón con đi học tốt nhất; công việc của anh làm vườn ươm theo thời vụ và thường xuyên ở nhà nên có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn T1 phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[1.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu, chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là do anh, chị bất đồng quan điểm, anh T1 không tin tưởng chị T nên nhiều lần đánh và đe dọa chị T, tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài nhiều tháng; anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị T và anh T1 thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng mâu thuẫn của anh, chị và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[1.2] *Về nuôi con chung:* chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1 có 02 con chung gồm: Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2016; cả 02 con chung đang sống với chị T.

Hội đồng xét xử xem xét điều kiện trực tiếp nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1:

Đối với chị T: Chị T làm nghề buôn bán ăn sáng và chăn nuôi có thu nhập ổn định; trong thời gian gần 01 năm qua, chị T và anh T1 không sống chung thì các con chung đều do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và đều phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, chị T làm nghề buôn bán vào buổi sáng nên có nhiều thời gian chăm sóc con chung hơn anh T1. Chị T đang ở cùng cha, mẹ còn khỏe nên có thể nương nhờ, hỗ trợ chăm sóc, đưa đón con chung khi có công việc cần thiết đi xa hoặc đi làm về trễ.

Đối với anh T1: Anh đang làm nghề nông (làm vườn ươm cây keo) thu nhập có nhưng không ổn định, vì làm vườn ươm theo thời vụ, thỉnh thoảng anh đi làm cho người khác để kiếm thêm thu nhập nên ít có thời gian chăm sóc con chung hơn chị T. Hơn nữa, trong thời gian vợ chồng không sống chung và chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nhưng anh T1 ít có trách nhiệm với các con chung trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đưa đón con đi học... và cũng không chu cấp tiền cho chị T lo cho các con chung. Anh T1 đang ở cùng mẹ già hơn 80 tuổi và anh phải cùng có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ nên khi cần thiết không thể nương nhờ sự giúp đỡ của người thân trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Qua làm việc với cháu Nguyễn Minh Kh thì cháu có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị Ánh T. Trên cơ sở diễn biến phản hồi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện về chỗ ở, thu nhập của anh T1 và chị T như nhau nhưng các điều kiện khác về thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ăn

uống, học tập hoặc nương nhờ người thân khi cần thiết (ông, bà) để đảm bảo việc nuôi con chung thì chị T đảm bảo hơn anh T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao 02 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt của 02 con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[1.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Vì vậy, anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Xét mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu là chưa phù hợp với điều kiện kinh tế và thu nhập của T1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận phương thức cấp dưỡng hàng tháng và chấp nhận một phần yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của chị T, buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho 02 con chung là: 2.000.000đồng (tức mỗi con chung 1.000.000đồng/tháng) là phù hợp với quy định tại Điều 110, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ ngày bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

[1.4] *Về tài sản chung:* Chị T và anh T1 chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[1.5] *Về nghĩa vụ tài sản chung:* Chị T và anh T1 xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

[1.6] *Về án phí:* Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc:

Chị Nguyễn Thị Ánh T tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về thuận tình ly hôn, với số tiền 150.000đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000đồng.

[1.7] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Ánh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục khi ly hôn.

2.2. *Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Nguyễn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung (cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2016), mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con chung 1.000.000đồng (*một triệu đồng*); tổng cộng phải cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con chung là: 2.000.000đồng (*hai triệu đồng*); thời gian cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ ngày bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi cháu Kh, cháu K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1 chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1 xác định không có, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*:

5.1. Chị Nguyễn Thị Ánh T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0000445, ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, còn hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

5.2. Anh Nguyễn T1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con số tiền án phí là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B,
- huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Quang Toại

